

Thái nguyên, ngày 09 tháng 8 năm 2019

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

QUY ĐỊNH VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG THEO PHƯƠNG THỨC TÍCH LŨY TÍN CHỈ
(Ban hành theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ ý kiến thống nhất của các bộ môn và điều kiện thực tế của nhà trường;

Để đảm bảo tính thống nhất trong quá trình thực hiện, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên cụ thể hoá hướng dẫn thực hiện Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn thực hiện Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ (ban hành theo thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) được triển khai áp dụng tại trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên từ năm học 2019 - 2020.

2. Thời gian khóa học và thời gian hoạt động giảng dạy

2.1. Thời gian đào tạo là thời gian được thiết kế để người học hoàn thành một chương trình cụ thể và đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đó. Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên chỉ tuyển sinh đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy theo phương thức tích lũy tín chỉ là 2 năm; Thời gian đào tạo trình độ trung cấp văn bằng 2 theo phương thức tích lũy tín chỉ là 1 năm;

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy tín chỉ là 3 năm;

2.2. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian tối đa để hoàn thành các môn học trong chương trình, được tính từ thời điểm bắt đầu học môn học thứ nhất đến khi hoàn thành môn học cuối cùng của chương trình và thời gian tối đa để hoàn thành chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình không vượt quá hai lần thời gian thiết kế cho chương trình đối với đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp chính quy. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình không vượt quá ba lần thời gian thiết kế cho chương trình đối với đào tạo trình độ trung cấp văn bằng 2.

2.3. Thời gian tổ chức giảng dạy của trường:

a) Thời gian tổ chức giảng dạy của trường trong từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày.

b) Tổng thời lượng học tập theo thời khóa biểu đối với một người học trong một ngày không quá 8 giờ, trừ các nội dung bắt buộc phải có nhiều thời gian hơn 8 giờ mới đủ điều kiện thực hiện. Trong đó, một tuần học không bố trí quá 30 giờ lý thuyết; trong một ngày, không bố trí quá 6 giờ lý thuyết.

3. Địa điểm đào tạo

Địa điểm đào tạo và địa điểm thi được thực hiện tại trường, trường tham gia phối hợp đào tạo hoặc các địa điểm thực tập của trường.

4. Kế hoạch đào tạo

4.1. Căn cứ vào khối lượng kiến thức, yêu cầu kỹ năng quy định của chương trình, hiệu trưởng phân bố số môn học cho từng năm học, học kỳ.

4.2. Trước khi bắt đầu một khóa học, năm học, học kỳ, trường phải công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học, học kỳ đó. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, năm học phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: số lượng học kỳ, thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học và thời gian nghỉ hè, tết đối với lớp học trong cùng một đợt tuyển sinh; chương trình của từng môn học; địa điểm thực hiện; giảng viên giảng dạy cho từng lớp học cụ thể.

5. Học cùng lúc hai chương trình

Do đặc thù của ngành đào tạo, thời gian quy định cho khóa học ngắn do đó nhà trường khuyến khích không học cùng lúc hai chương trình.

6. Nghỉ học tạm thời, nghỉ ốm

6.1. Người học được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu điểm học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng;

b) Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị thì phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi người học đó khám hoặc điều trị hoặc phải có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;

c) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;

d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học;

đ) Vì lý do khác: người học phải học xong ít nhất học kỳ thứ nhất tại trường; không thuộc trường hợp bị buộc thôi học.

6.2. Người học được tạm hoãn học môn học theo kế hoạch đào tạo của trường và phải hoàn thành môn học tạm hoãn đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a) Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học đó và phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi người học đó khám hoặc điều trị;

b) Có lý do khác không thể tham gia hoàn thành môn học đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng chấp thuận.

6.3. Người học không thuộc các trường hợp trên, trong trường hợp có lý do chính đáng thì được nghỉ học đột xuất theo quy định của trường và phải hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định, đồng thời phải bảo đảm điều kiện dự thi kết thúc môn học mới được dự thi kết thúc môn học.

6.4. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình.

7. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

7.1. Việc miễn, giảm, tạm hoãn học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được thực hiện theo quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

7.2. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, môn thi tốt nghiệp trong chương trình đào tạo của trường trong trường hợp người học đã được công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tương đương trở lên, trong đó có môn học hoặc có môn thi tốt nghiệp có điểm đạt yêu cầu và được công nhận là tương đương với môn học, môn thi tốt nghiệp trong chương trình đào tạo của trường.

7.3. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học miễn thi tốt nghiệp đối với môn học Chính trị thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương.

7.4. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Ngoại ngữ thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7.5. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tin học thuộc các môn học chung trong trường hợp người học có kết quả kiểm tra đầu vào của trường đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

7.6. Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc các môn học chung trong trường hợp người học là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; người học trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên.

7.7. Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm học một số môn học hoặc miễn, giảm một số nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

7.8. Bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập

a) Người học được bảo lưu điểm, công nhận kết quả học tập của các môn học đạt yêu cầu từ chương trình đào trình độ tương đương trở lên.

b) Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm.

7.9. Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

8. Đánh giá môn học

8.1. Điểm môn học

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; Điểm môn học làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2; Điểm kiểm tra và điểm thi làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

- Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,0 trở lên.

+ Kiểm tra thường xuyên: do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

+ Kiểm tra định kỳ: được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết thời gian 45 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

+ Thi kết thúc môn học:

Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; Kỳ thi phụ trong học kỳ đó được tổ chức sớm nhất là 02 tuần sau kỳ thi chính;

Chú ý: HSSV vắng mặt trong các lần kiểm tra, thi mà không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 (không) ở lần kiểm tra đó. HSSV nghỉ học có lý do chính

đáng trong các lần kiểm tra thì giáo viên giảng dạy môn học tổ chức làm bài kiểm tra bổ sung. HSSV không đủ điều kiện dự thi thì phải nhận điểm 0 cho lần thi đó.

8.2. Hình thức kiểm tra và thi kết thúc môn học

+ Đối với các môn học lý thuyết: Hình thức kiểm tra: kiểm tra viết, sử dụng các test trắc nghiệm khách quan. Hình thức thi: thi trên máy hoặc thi viết, sử dụng các test trắc nghiệm khách quan. Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết hoặc thi trên máy là 45 phút.

+ Đối với các môn học thực hành tại trường: Bài thi, kiểm tra là các bài thực hành.

+ Đối với các môn học lâm sàng và cộng đồng:

- Điểm kiểm tra thường xuyên: là điểm ý thức và chuyên cần.
- Điểm kiểm tra định kỳ: Là điểm tay nghề hoặc bệnh án, kế hoạch chăm sóc ...
- Điểm thi kết thúc môn học: là điểm hoàn thành chỉ tiêu tay nghề.

Điểm thi kết thúc môn học:

- HSSV hoàn thành $\geq 70\%$ chỉ tiêu tay nghề:

$$\text{Điểm thi kết thúc môn học} = \frac{\text{Số chỉ tiêu tay nghề HSSV hoàn thành}}{\text{Tổng chỉ tiêu tay nghề}} \times 10$$

- HSSV hoàn thành $< 70\%$ chỉ tiêu tay nghề: Phải thực hiện Bài thi thực hành. Trong trường hợp này điểm bài thi thực hành không quá điểm 7,0.

8.3. Số bài kiểm tra thường xuyên; kiểm tra định kỳ được qui định thể như sau:

- Đối với môn học ≤ 3 tín chỉ: **01** điểm kiểm tra thường xuyên và **01** điểm kiểm tra định kỳ.

- Đối với môn học > 3 tín chỉ: **02** điểm kiểm tra thường xuyên và **02** điểm kiểm tra định kỳ.

9. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học và thi lại

9.1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học

a) Người học được dự thi kết thúc môn học khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết; Tham dự đủ 100% số giờ quy định cho các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập lâm sàng và cộng đồng; thực hiện tốt nội quy bệnh viện; hoàn thành nhiệm vụ thường trực theo lịch phân công.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Còn số lần dự thi kết thúc môn học.

Sau khi kết thúc môn học, bộ môn có trách nhiệm họp xét điều kiện dự thi kết thúc môn học, công bố danh sách HSSV đủ điều kiện dự thi và gửi biên bản họp xét điều kiện dự thi kết thúc môn học và danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi cho phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng sau 2 ngày làm việc tính từ buổi học cuối cùng của môn học.

b. Xử lý các tình huống không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn học:

- HSSV nghỉ học quá 30% số tiết qui định cho mỗi môn học lý thuyết thì phải học lại.

- HSSV nghỉ học các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập lâm sàng và cộng đồng:

+ Nếu nghỉ học $\leq 30\%$ thì phải học bổ sung (học bù) đủ nội dung kiến thức còn thiếu của học phần đó. Bộ môn có trách nhiệm lập danh sách HSSV phải học bù, thông báo cho HSSV, gửi danh sách cho phòng Kế hoạch tài chính để thu tiền học bù và tổ chức học bù trước khi thi kết thúc học phần.

+ Nếu nghỉ học $> 30\%$ thì phải học lại

- Nếu HSSV không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn học do điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt $< 5,0$ theo thang điểm 10 thì phải học lại.

9.2. Số lần dự thi kết thúc môn học

a) Người học được dự thi kết thúc môn học ở kỳ thi chính, nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi khác do trường tổ chức;

b) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được hiệu trưởng bố trí dự thi ở kỳ thi khác.

9.3. Học và thi lại

a) Người học phải học và thi lại môn học chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi;

- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu;

b) Người học thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học lần học trước đó và phải bảo đảm các quy định như đối với một môn học mới.

c) Trường hợp không còn môn học do điều chỉnh chương trình thì hiệu trưởng quyết định chọn môn học khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo.

10. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học

10.1. Nội dung đề thi

a) Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học đã được quy định trong chương trình;

b) Bảo đảm phải có ngân hàng đề thi kết thúc môn học của tất cả các môn học trong chương trình của trường; đề thi phải được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi của trường và do phòng Phòng Khảo thí & ĐBCL thực hiện;

c) Quy trình ra đề thi:

+ Nếu thi theo hình thức trắc nghiệm trên giấy: Khi có lịch thi kết thúc môn học giảng viên trực tiếp giảng dạy đề xuất đề thi và duyệt qua chủ nhiệm bộ môn và Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo hoặc Phòng Khảo thí & ĐBCL (được uỷ quyền) chậm nhất là 02 ngày trước khi tổ chức thi kết thúc môn học.

+ Nếu thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy:

. Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng bố trí lịch thi; Lập danh sách HSSV dự thi và công bố danh sách thi cho sinh viên biết trước ngày thi ít nhất **02** ngày;

. Bộ môn: Phân công giảng viên coi thi.

- Số lượng đề thi và đáp án:

Tổ chức thi viết trên giấy

+ Môn học ≤ 3 tín chỉ: 4 đề và đáp án (bốc thăm lấy 02 mã đề để tổ chức thi).

+ Môn học > 3 tín chỉ: 06 đề thi và đáp án (bốc thăm lấy 04 mã đề để tổ chức thi).

Tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính: Do phần mềm quản lý thi thực hiện.

10.2. Chấm thi

- Việc chấm thi kết thúc môn học đối với các bài thi viết chỉ được thực hiện sau khi đã rọc phách, do 02 giảng viên, giáo viên chấm độc lập.

- Chấm thi vấn đáp và thi thực hành phải thực hiện theo bảng đánh giá quy trình kỹ thuật, thực hành, trong đó tương ứng với mỗi nội dung đánh giá giáo viên, giảng viên phải ghi ý kiến nhận xét, cho điểm từng phần và điểm tổng.

- Điểm bài thi là trung bình cộng điểm của 02 giáo viên chấm thi.

Trong trường hợp điểm của 02 giáo viên có sự chênh lệch từ 1,0 trở lên theo thang điểm hệ 10 thì xử lý như sau :

+ Tổ chức xem xét hoặc chấm lại.

+ Chấm lại mà vẫn chưa thống nhất được điểm thì phụ trách bộ môn tổ chức xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi.

- Chấm thi trắc nghiệm trên máy tính: Phòng Khảo thí & ĐBCL là đơn vị điều hành, giám sát toàn bộ quy trình chấm thi và trả điểm thi tất cả các môn học.

10.3. Công bố điểm thi

a) Điểm thi, kiểm tra theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc bảo vệ báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết ngay sau khi chấm;

b) Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác phải được công bố cho người học biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi xong.

11. Quản lý bài kiểm tra/bài thi kết thúc môn học/điểm thi kết thúc môn học

- Quản lý bài kiểm tra/bài thi:

+ Bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra định kỳ: trả cho HSSV sau khi chấm.

+ Bài thi kết thúc môn học: Lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là sau khi kết thúc khóa học.

- Quản lý điểm thi kết thúc môn học:

+ **Bảng điểm thi kết thúc môn học** phải được ghi theo mẫu thống nhất do phòng đào tạo qui định và có đủ chữ ký của 02 giáo viên chấm thi; hỏi thi.

+ **Bảng điểm đánh giá môn học (điểm môn học)** phải được ghi theo mẫu của trường, có chữ ký của giảng viên; giáo viên giảng dạy trực tiếp môn học và có xác nhận của trưởng bộ môn phải được quản lý và lưu giữ tại bộ môn và gửi về phòng đào tạo chậm nhất là 05 ngày sau khi kết thúc chấm thi môn học.

+ Ngoài lưu trữ kết quả thi trên giấy thì toàn bộ kết quả thi được lưu trữ trong hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo;

+ Kết thúc mỗi học kỳ: Cán bộ phòng Đào tạo có trách nhiệm in bảng điểm tổng hợp các lớp từ phần mềm Quản lý đào tạo để lưu;

12. Cách tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

13. Tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ

Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy

13.1. Quy đổi điểm môn học

a) Điểm môn học được tính theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

- Loại đạt:

A	8,5 - 10	giỏi
B	7,0 - 8,4	khá
C	5,5 - 6,9	trung bình
D	4,0 - 5,4	trung bình yếu

- Loại không đạt:

F	dưới 4,0	kém
---	----------	-----

b) Đối với những môn học chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá

X: Chưa nhận được kết quả thi

c) Đối với những môn học được trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả;

13.2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của môn học phải được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số thang điểm 4 như sau:

A	tương ứng với 4
B	tương ứng với 3
C	tương ứng với 2
D	tương ứng với 1
F	tương ứng với 0

13.3. Xếp loại kết quả học tập

Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ được căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy trong học kỳ đó theo thang điểm 4, cụ thể:

- Loại xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

- Loại giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

- Loại khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

- Loại trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;

- Loại yếu: điểm trung bình chung tích lũy thấp hơn 2,00.

14. Các nội dung khác (Xử lý người học vi phạm về thi, kiểm tra, Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp, Quản lý hồ sơ, tài liệu đào tạo, Tổ chức lớp học, Đăng ký khối lượng học tập, Rút bớt môn học, mô-đun đã đăng ký, Xếp hạng năm đào tạo và học lực, Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học, Điều kiện tốt nghiệp, Xếp loại tốt nghiệp,...): Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nơi nhận:

- Các bộ môn;
- Lưu ĐT, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS. TS. Nguyễn Minh Tuấn
(Đã ký)